TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIÊN KHÁNH** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số**:** 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2018
Về tranh chấp: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH
TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Thuận
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Phạm Thị Hỏa;
Ông Phạm Hùng Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Sương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh mở phiên tòa xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 85/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về "***Ly hôn***" theo Quyết định đưa vụ án xét xử số: 39/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị V**
Địa chỉ: xã Diên Điền, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Bà V có mặt

2. Bị đơn: Ông **Trần Thành T**
Địa chỉ: xã Diên Điền, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Ông T vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Phạm Thị V trình bày:* Bà V và ông Trần Thành T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Diên Khánh. Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng về sau ông T thay đổi, thường xuyên cờ bạc dẫn đến nợ nần, bà đã nhiều lần trả nợ cho ông T nhưng ông T vẫn không thay đổi mà còn có hành vi bạo lực với bà, ông T không quan tâm đến gia đình. Đến nay bà và ông T không còn tình cảm nên bà V kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thành T.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung là: Trần Thị Bích Ng - sinh ngày 17/3/2007 và Trần Thành A – sinh ngày 01/11/2008, hiện nay 02 con chung do bà

nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung. Bà không yêu cầu ông Trần Thành T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Thành T đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy Toà án tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu việc tuận theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên Tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục: Ông Trần Thành T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên toà lần 2 không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Theo giấy chứng nhận kết hôn và lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xác định bà Phạm Thị V và ông Trần Thành T là vợ chồng. Nay bà V yêu cầu ly hôn với ông T là một yêu cầu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện thì thấy rằng: Bà Phạm Thị V và ông Trần Thành T tự nguyện sống chung với nhau có đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, do ông T ham mê cờ bạc dẫn đến nợ nần làm cho cuộc sống gia đình khó khăn, ông T còn có hành vi bạo lực với bà, không quan tâm đến đời sống của vợ con. Vì vậy bà V yêu cầu được ly hôn với ông T. Bản thân ông T đang sinh sống tại địa phương, đã được Toà án triệu tập đến Toà nhiều lần để giải quyết nhưng vẫn vắng mặt, điều đó chứng tỏ ông T không còn quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng nữa và từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà V và ông T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V.

[4] Về con chung: Bà Phạm Thị V xác định vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Bích Ng - sinh ngày 17/3/2007 và Trần Thành A – sinh ngày 01/11/2008. Các con chung hiện nay do bà V chăm sóc, giáo dục nên bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là yêu cầu chính đáng và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên cần giao 02 con chung cho bà V nuôi dưỡng, giáo dục.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà V xác định không có.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị V phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị V và ông Trần Thành T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Bích Ng - sinh ngày 17/3/2007 và Trần Thành A – sinh ngày 01/11/2008 cho bà Phạm Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông T.

Ông T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi con chung, bà V, ông T có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị V phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp theo biên lai số AA/2016/0018648 ngày 13/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Diên khánh. Bà V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quy định: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Thành T thời hạn nói trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Thuận

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Diên Khánh;
- Đương sự;
- UBND xã Đ (nơi đăng ký kết hôn);
- THADS huyện Diên Khánh;
- Lưu